

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4649/TTr-SXD ngày 03 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn thành phố Huế để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án đầu tư công; dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là dự án PPP); dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công áp dụng các quy định của Quyết định này (Chi tiết đơn giá nhân công theo Phụ lục đính kèm).

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng của các dự án ngoài quy định tại khoản 1 Điều này tham khảo áp dụng Quyết định này để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 2. Xử lý chuyển tiếp

1. Trường hợp tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt thì không phải thẩm định hoặc phê duyệt lại. Chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán xây dựng theo đơn giá nhân công xây dựng được công bố tại Quyết định này để triển khai các bước tiếp theo.

2. Dự toán xây dựng đã phê duyệt thì không phải phê duyệt lại.

3. Các gói thầu đã ký kết hợp đồng thực hiện theo quy định của hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng. Dự án PPP đã ký kết hợp đồng dự án thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án PPP và quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn thành phố được công bố kèm theo Quyết định này; tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện việc áp dụng đơn giá nhân công xây dựng, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Huế về công bố đơn giá nhân công xây dựng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Huế. Đơn giá nhân công xây dựng công bố kèm theo Quyết định này được áp dụng đến hết ngày 31/12/2026.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc các Ban Quản lý dự án trực thuộc UBND thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Xây dựng;
- Đảng ủy UBND thành phố;
- UBND thành phố: CT và các PCT;
- Các CQCM thuộc UBND thành phố;
- VP UBND thành phố: LĐ và các CV;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, XDHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Hải Minh

PHỤ LỤC*(Công bố kèm theo Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026)*

Stt	Nhóm nhân công	Tên nhân công (Loại công tác)	Đơn vị tính	Giá nhân công xây dựng (đồng)		
				Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
				Vùng II	Vùng III	Vùng IV
[1]	[2]	[3]	[4]	[6]	[7]	[8]
I	Nhóm nhân công xây dựng					
1	Nhóm 1	Chuẩn bị mặt bằng, phá dỡ - tháo dỡ, vệ sinh; công tác phục vụ thi công (bóc xếp, vận chuyển, đóng bao, giàn giáo); công tác đất, đá, cát (đào, đắp, bơm, nạo vét, xói hút, vận chuyển và không gồm phá đá bằng nổ mìn).	công	262.076	261.519	258.698
2	Nhóm 2	Thi công cọc, gia cố, khoan tạo lỗ, khoan giảm áp, khớp nối, phá đá bằng khoan nổ mìn, bê tông xi măng, lắp đặt cấu kiện bê tông, ván khuôn, cốt thép, bê tông nhựa, xây gạch, đá và các công tác khác chưa được quy định tại nhóm 1, 3 và 4 bảng này.	công	305.539	303.916	298.586
3	Nhóm 3	Lắp đặt hệ thống kỹ thuật công trình; đường ray, gia công lắp dựng kết cấu gỗ, kết cấu sắt thép; cáp thép; trát, ốp, lát, láng, làm trần, mái, sơn, bả; khảo sát xây dựng.	công	317.044	315.359	309.829
4	Nhóm 4	Lắp đặt, tháo dỡ đường dây tải điện và trạm biến áp, thiết bị công nghệ, thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển, thí nghiệm.	công	342.558	338.535	336.514
II	Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy					
1	Nhân công vận hành máy, điều khiển máy		công	341.671	335.910	330.583
2	Lái xe		công	320.525	315.121	310.124

3	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	công	351.800	325.438	293.075
4	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	công	403.763	367.231	343.500
5	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu biển	công	408.113	400.513	0
6	Thuyền trưởng, thuyền phó	công	439.650	431.150	406.425
III	Nhóm nhân công thực hiện công tác khác				
1	Kỹ sư thực hiện khảo sát, thí nghiệm	công	311.009	310.140	308.087
2	Thợ lặn	công	570.000	561.375	509.000
3	Nghệ nhân	công	571.615	544.204	518.945

Ghi chú:

+ **Khu vực 1:** gồm các phường Các phường Thuận An, Hóa Châu, Mỹ Thượng, Võ Dạ, Thuận Hóa, An Cựu, Thủy Xuân, Kim Long, Hương An, Phú Xuân, Dương Nỗ thuộc Vùng II theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ.

+ **Khu vực 2:** gồm các phường Phong Điền, Phong Thái, Phong Dinh, Phong Phú, Phong Quảng, Hương Trà, Kim Trà, Thanh Thủy, Hương Thủy, Phú Bài; các xã Đan Điền, Quảng Điền, Bình Điền, Phú Vinh, Phú Hồ, Phú Vang, Vinh Lộc, Hưng Lộc, Lộc An, Phú Lộc, Chân Mây - Lăng Cô, Long Quảng, Nam Đông, Khe Tre thuộc Vùng III theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ.

+ **Khu vực 3:** gồm các xã A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5 thuộc Vùng IV theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ.